

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 11-9-2019.
“V/v Ly hôn giữa chị Bùi Thị Thúy
K và anh Nguyễn Hoàng T”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quan Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Kim Linh.
2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Xuân - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở của Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2019/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 4 năm 2019, về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Thúy K, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 299 ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Chị K có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 372 ấp H, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Anh T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 3 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Bùi Thị Thúy K trình bày: Chị Bùi Thị Thúy K và anh Nguyễn Hoàng T cưới nhau năm 2012, đến ngày 28 tháng 9 năm 2012 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi cưới vợ chồng sống chung tại nhà cha mẹ ruột của anh T.

Chị K và anh T chung sống hạnh phúc được một năm đầu, thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh T không lo làm ăn để xây dựng hạnh phúc gia đình, mà chỉ lo cờ bạc rồi gây nợ nần. Anh T

còn tự ý hùn làm ăn với bạn bè mà không có sự đồng ý của chị K, đến khi phát sinh nợ nần thì anh T mới thông báo cho chị K biết. Chị K đã nhiều lần khuyên can, tạo cơ hội để vợ chồng đi làm ăn ở Đồng Nai cùng nhau trả nợ. Nhưng anh T vẫn không chịu thay đổi mà nhiều lần gây nợ nần, anh T lại thường xuyên bỏ nhà đi suốt đêm không quan tâm gì đến vợ con. Vợ chồng chị K và Tuấn chính thức ly thân từ 11 năm 2018 đến nay. Từ lúc ly thân đến nay, anh T có về thăm con một lần nhưng không thăm hỏi, quan tâm hay có động thái gì nhằm hàn gắn tình cảm với vợ, hiện tình cảm vợ chồng không còn nên chị K yêu cầu được ly hôn với anh T. Về con chung: Chị K và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Minh T, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2013, hiện nay đang do chị K trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị K yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung; Chị K không yêu cầu anh T có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con chung cùng chị K. Về chia tài sản và nợ chung: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 01 tháng 7 năm 2019, bị đơn anh Nguyễn Hoàng T thống nhất với lời trình bày của chị Bùi Thị Thúy K về thời gian kết hôn, việc đăng ký kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc thời gian chính thức ly thân. Anh T cho rằng vợ chồng anh chị hoàn toàn không có mâu thuẫn gì trầm trọng chủ yếu là do chị K không hợp với gia đình chồng, đặc biệt là mẹ chồng nên chị K bỏ về nhà mẹ ruột sống và để thuận việc mua bán của chị K. Ngoài ra, nguyên nhân khiến vợ chồng mâu thuẫn là do anh T làm ăn thua lỗ gây nợ nần. Anh T thừa nhận có việc mình bị Cơ quan có thẩm quyền xử hành chính vì có hành vi đánh bạc, nhưng xảy ra đã quá lâu. Anh T còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn. Từ khi ly thân đến nay anh T có nhiều lần về thăm vợ con để hàn gắn tình cảm gia đình, nhưng chị K không đồng ý. Quá trình sống chung, vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Ngọc Minh T, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2013, hiện cháu T đang do chị K trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Bùi Thị Thúy K yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hoàng T, anh T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu chị K vì anh T còn thương vợ, muốn hàn gắn tình cảm với vợ. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh T đồng ý giao con chung tên Nguyễn Ngọc Minh T, sinh ngày 14 ngày 10 tháng 2013 cho chị K tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; Anh T không đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con chung cùng chị K; Về chia tài sản, về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Kiểm sát viên cho rằng, căn cứ vào tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như kết quả tranh tụng tại

phiên tòa, nhận thấy quan hệ hôn nhân của chị Bùi Thị Thúy K và anh Nguyễn Hoàng T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử cho ly hôn giữa chị K và anh T.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung tên Nguyễn Ngọc Minh T, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2013 đang do chị K trực tiếp nuôi dưỡng cho chị K tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc chị Bùi Thị Thúy K xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Nguyễn Hoàng T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị K và anh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh T có địa chỉ cư trú tại số nhà 372 ấp H, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với anh T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anh T vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T là phù hợp với quy định của điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Việc chị Bùi Thị Thúy K và anh Nguyễn Hoàng T đăng ký kết hôn vào 28 tháng 9 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 97, đã tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được Tòa án công nhận là vợ chồng hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, chị K và anh T đã không làm được điều đó, sau một năm chung sống, chị K và anh T đã bắt đầu xảy ra bất đồng về quan điểm sống, mỗi người chỉ lo cho cuộc sống riêng của mình, chị K cho rằng anh T không lo làm ăn để xây dựng hạnh phúc gia đình, mà chỉ lo cờ bạc gây nợ nần; Anh T còn tự ý quyết định chuyện làm ăn mà không bàn tính với chị K, đến khi phát sinh nợ nần thì anh T mới thông báo cho chị K biết. Anh T thường xuyên bỏ nhà đi suốt đêm không quan tâm gì đến vợ con. Anh T đã thừa nhận anh T có lần bị Cơ quan có thẩm quyền xử hành chính vì có hành vi đánh bạc và có việc anh T có tự ý hùn vốn làm ăn với bạn bè, kết quả làm ăn thua lỗ nên dẫn đến nợ nần.

Hành động và việc làm của chị K và anh T đã vi phạm tình nghĩa vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; Tuy anh T cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn trầm trọng và anh T còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn nhưng từ khi ly thân đến nay đã khá lâu, anh T và chị K vẫn không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, yêu cầu ly hôn của chị K là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Chị K và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Minh T, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2013, hiện nay đang do chị K trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị K yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị K không yêu cầu cấp dưỡng. Trường hợp Tòa án cho ly hôn, anh T đồng ý giao con chung cho chị K tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; Anh T không đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con chung cùng chị K. Xét thấy từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay cháu Minh Thư vẫn do chị K trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Minh Thư phát triển bình thường như bao đứa trẻ cùng trang lứa khác, yêu cầu của chị K và sự tự nguyện này của anh T là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Sau khi ly hôn, chị Bùi Thị Thúy K cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Hoàng T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, được quy định tại Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản: Chị Bùi Thị Thúy K và anh Nguyễn Hoàng T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị Bùi Thị Thúy K và anh Nguyễn Hoàng T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Bùi Thị Thúy K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 96, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Thúy K và anh Nguyễn Hoàng T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Minh T, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2013 cho chị Bùi Thị Thúy K trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Hoàng T không có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con chung là cháu T cùng chị K.

2.2. Sau khi ly hôn, chị Bùi Thị Thúy K cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Hoàng T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về chia tài sản: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Chị Bùi Thị Thúy K phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BH/2018/0000204 ngày 02 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L (Chị K đã nộp đủ án phí).

Chị Bùi Thị Thúy K có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Hoàng T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ cho anh T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện L;
- CC.THADS huyện L;
- UBND xã B;
- (GCNKH số 97 quyển 01 ngày 28/9/2012)
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quan Nam